TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2023
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN - TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu
Bà Lê Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST–HNGĐ ngày 06-01-2023 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Đặng Thị T** – sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn 04 V, xã Phúc L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- *Bị đơn:* anh **Bàn Văn T** – sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn Khe S, xã Trung T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bàn Văn T về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về

chung sống tại xã Trung T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th thường xuyên uống rượu, chửi bới… từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 03 con chung tên Bàn Thị Th, sinh ngày 20-01-2004; Bàn Thị B, sinh ngày 15-6-2006; Bàn Văn D, sinh ngày 19-4-2008. Sau khi ly hôn, con Bàn Thị T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị có yêu cầu trực tiếp nuôi con Bàn Thị B và anh T trực tiếp nuôi con Bàn Văn D. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Bàn Văn Thức nhưng anh Thức vắng mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Bàn Văn T.

Về con chung: giao con Bàn Thị B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Bàn Văn D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Đặng Thị T và anh Bàn Văn T về chung sống với nhau tự nguyện năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Trung T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vì vậy hôn nhân giữa chị T và anh T là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân nhiều năm nay, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định "*trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*."

Như vậy, chị T và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị T và anh T có 03 con Bàn Thị T, sinh ngày 20-01-2004, Bàn Thị B, sinh ngày 15-6-2006, Bàn Văn D, sinh ngày 19-4-2008, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án xác định hiện tại các con đang sinh sống tại Thôn Khe S, xã Trung T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có nơi ở và học tập ổn định. Đối với con Bàn Thị T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015 quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên..."*

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Bàn Thị B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Bàn Văn D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị Đặng Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Bàn Văn T.

2. Về con chung: giao cho chị Đặng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bàn Thị B, sinh ngày 15-6-2006; giao cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bàn Văn D, sinh ngày 19-4-2008 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Bàn Thị T phải chịu 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0003408 ngày 06-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**